| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **HUYỆN KIÊN HẢI - TỈNH KIÊN GIANG** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: **01**/2022/HNGĐ-ST | |
| Ngày: 21-01-2022 | |
| V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phan Văn Tịnh.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Huỳnh Văn Lời
2. Bà Lê Thị Hoàng Mai
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Thanh Toàn - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc: "*Xin ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 22/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1997; địa chỉ thường trú: Ấp BNA, xã LS, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng K, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Ấp BNA, xã LS, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà L và ông K kết hôn với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lại Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông K không quan tâm gia đình, vợ chồng thường xuyên cải nhau, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt, đỉnh điểm là vào khoảng

tháng 5/2021 hai người sống ly thân cho đến nay. Bà L yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Quá trình chung sống với nhau có được một người con chung tên Nguyễn Trọng T, sinh ngày 02/12/2016. Hiện nay con đang sống chung với bà L và gia đình cha mẹ ruột của bà L, khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2. Bị đơn ông Nguyễn Trọng K vắng mặt* nên không có lời trình bày.

*3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau:* Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc); 01 Giấy khai sinh của Nguyễn Trọng T (bản sao).

Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Trọng K nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trọng K.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*[1] Xét về quan hệ hôn nhân:* Bà L và ông K kết hôn với nhau vào năm 2015 được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái với đạo đức xã hội nên theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông K không quan tâm gia đình, dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt, hai người sống ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian ly thân vợ chồng không có biện pháp hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông K nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có cơ sở để chấp nhận.

*[2] Xét về quyền nuôi con chung:* Qua quá trình giải quyết vụ án cho thấy bà L và ông K có một người con chung tên Nguyễn Trọng T, sinh ngày 02/12/2016, giới tính nam. Từ trước đến nay bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, khi ly hôn bà L xin tiếp tục được nuôi con cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án ông K không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, hiện nay con đang sống chung với bà L

được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt nên giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

*[3] Về tài sản chung và nợ chung:* Bà L cho rằng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông K không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0006904 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Bà L đã nộp xong.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 02 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Cẩm L được ly hôn với ông Nguyễn Trọng K.

**2.** Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 02/12/2016, giới tính nam cho bà Nguyễn Thị Cẩm L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Trọng K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Trọng K có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

**3.** Về chia tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4.** Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0006904 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Bà L đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Các Điều 7a,7b Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Kiên Hải;*
- *Chi cục THADS Kiên Hải;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Văn Tịnh**